

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU THANH HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Hà Nội, tháng 03 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hợp	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Thu Hà	Ủy viên
Ông Vũ Văn Hải	Ủy viên (miễn nhiệm từ ngày 01/05/2011)
Nguyễn Kim Hoàng	Ủy viên (bỏ nhiệm từ ngày 01/05/2011)
Bà Nguyễn Thị Bình	Ủy viên
Ông Trương Xuân Bình	Ủy viên (miễn nhiệm từ ngày 01/05/2011)
Ông Nguyễn Ngọc Vân	Ủy viên (bỏ nhiệm từ ngày 01/05/2011)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hợp	Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/05/2011)
Ông Nguyễn Đăng Thanh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 01/05/2011)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Minh (bỏ nhiệm từ ngày 01/5/2011)
Ông Nguyễn Ngọc Vân (miễn nhiệm từ ngày 01/05/2011)
Bà Nguyễn Kiều Nhi (miễn nhiệm từ ngày 01/05/2011)
Ông Bùi Quang Thắng (bỏ nhiệm từ ngày 01/5/2011)
Bà Trần Lan Hương

Phụ trách kế toán

Ông Đào Ngọc Bình

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG VÀ SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc khẳng định rằng, ngoài các sự kiện nêu trong Thuyết minh 26.2 và 26.3, không có bất cứ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán nào có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Văn Hợp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Số: /2012/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Kính gửi Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 16/02/2012, trình bày từ trang 6 đến trang 26 kèm theo, trên cơ sở các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 2 và trang **Error! Bookmark not defined.**, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, công việc kiểm toán của chúng tôi bị ảnh hưởng bởi một số hạn chế sau:

Ý kiến tùy thuộc

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 07 và Thuyết minh số 14, trong năm 2008 Công ty ký 02 hợp đồng với Công ty SHP Steriltecjnik AG (Gustav-Ricker-Phố 62, D-39120 Magdeburg/Đức) gồm: Hợp đồng bán hàng số SHP - THANHHA/01/08 ngày 10/04/2008 và Hợp đồng bán hàng số SHP - THANHHA/02/08 ngày 10/04/2008 về việc cung cấp các thiết bị y tế và dịch vụ đi kèm. Công ty đã thực hiện ứng trước trực tiếp tiền hàng cho Công ty SHP Steriltecjnik AG số tiền khoảng 15 tỷ đồng và 60% mở LC tại ngân hàng. Tuy nhiên, Công ty SHP Steriltecjnik AG không thực hiện giao hàng. Đến ngày 31/12/2010, LC mở ra để thực hiện hợp đồng này đã hết hạn và hai bên đã không tiếp tục thực hiện hợp đồng này nữa.

Ngoài ra, cũng liên quan đến giao dịch nhập khẩu thiết bị trên Công ty đã ký Hợp đồng kinh tế số 088 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 và Hợp đồng kinh tế số 089 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 với Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ Vật tư Khoa học Kỹ thuật và Công trình (nay là Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam) về việc cung cấp 02 hệ thống xét nghiệm di động & 02 hệ thống khử khuẩn cho Bộ Y tế Việt Nam sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Đức thông qua Ngân hàng Tái thiết Đức (Kfw). Theo điều khoản của các hợp đồng này Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam đã ứng trước cho Công ty 8 tỷ đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

Ý kiến tùy thuộc (tiếp)

Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này Công ty vẫn chưa đòi được tiền từ nhà cung cấp SHP Steriltecjnik AG và Công ty cũng không thực hiện trả lại tiền đặt cọc cho Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam. Do có dấu hiệu không bình thường giữa các bên tham gia giao dịch này cơ quan công an đã tiến hành thu thập thông tin điều tra. Các trách nhiệm và nghĩa vụ liên quan đến các khoản công nợ nói trên có thể thay đổi tùy thuộc vào sự đàm phán giữa các bên và phán quyết cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi khoản công nợ trả trước cho nhà cung cấp SHP Steriltecjnik AG cũng như nghĩa vụ phải trả đối với khoản công nợ người mua trả tiền trước của Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 26.2, Công ty đang trong tình trạng khó khăn về tài chính. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của việc này đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, xét trên những khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với Các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Nguyễn Thị Phương Thảo

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0933/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Đặng Thái Thế

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 2033/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.851.725.996	84.221.233.783
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	6.713.699.522	115.592.100
Tiền	111		1.297.272.949	115.592.100
Các khoản tương đương tiền	112		5.416.426.573	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	185.917.400	176.775.850
Đầu tư ngắn hạn	121		453.000.000	432.200.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(267.082.600)	(255.424.150)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.123.470.380	79.644.007.728
Phải thu khách hàng	131	6	8.277.265.825	15.160.706.378
Trả trước cho người bán	132	7	111.275.917.579	113.655.613.462
Các khoản phải thu khác	135	8	3.047.710.291	12.857.625
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	6&7	(103.477.423.315)	(49.185.169.737)
Hàng tồn kho	140		681.207.250	1.318.887.250
Hàng tồn kho	141	9	681.207.250	1.318.887.250
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		147.431.444	2.965.970.855
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		147.431.444	189.697.655
Tài sản ngắn hạn khác	158		-	2.776.273.200
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.315.039.138	35.849.298.714
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		27.368.548.893	32.814.034.133
Tài sản cố định hữu hình	221	10	18.706.365.507	23.613.225.183
- Nguyên giá	222		27.144.565.845	30.238.733.035
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.438.200.338)	(6.625.507.852)
Tài sản cố định vô hình	227	11	8.662.183.386	9.200.808.950
- Nguyên giá	228		10.475.452.725	10.475.452.725
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.813.269.339)	(1.274.643.775)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.912.000.000	2.912.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	12	2.907.000.000	2.907.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000	5.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		34.490.245	123.264.581
Chi phí trả trước dài hạn	261		34.490.245	123.264.581
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		57.166.765.134	120.070.532.497

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		145.559.614.937	137.005.563.476
Nợ ngắn hạn	310		145.341.370.937	136.787.319.476
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	103.696.738.475	111.163.953.856
Phải trả người bán	312		973.556.205	1.713.642.463
Người mua trả tiền trước	313	14	10.186.696.514	10.349.728.333
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		2.583.061	2.583.061
Phải trả người lao động	315		80.723.458	59.867.642
Chi phí phải trả	316	15	29.104.397.362	12.136.753.161
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	367.956.647	405.621.645
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		928.719.214	955.169.315
Nợ dài hạn	330		218.244.000	218.244.000
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		218.244.000	218.244.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(88.392.849.802)	(16.935.030.979)
Vốn chủ sở hữu	410	17	(88.392.849.802)	(16.935.030.979)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.700.000.000	12.700.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.500.000.000	3.500.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(1.348.572.452)	(527.821.331)
Quỹ đầu tư phát triển	417		7.206.100.547	7.206.100.547
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.454.008.778	1.454.008.778
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
(Lỗ lũy kế)	420		(111.904.386.675)	(41.267.318.973)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		57.166.765.134	120.070.532.497

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Ngoại tệ các loại			-	-
USD			4.715,92	
EUR			137,76	

Nguyễn Văn Hợp
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Đào Ngọc Bình
Phụ trách Kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	26.797.376.676	343.219.906.052
Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		26.797.376.676	343.219.906.052
Giá vốn hàng bán	11	19	23.935.963.064	322.026.763.829
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.861.413.612	21.193.142.223
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.503.011.979	11.607.263.700
Chi phí tài chính	22	21	17.471.564.275	25.182.477.230
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>17.330.853.749</i>	<i>21.933.002.116</i>
Chi phí bán hàng	24	22	995.241.705	3.722.511.105
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	58.169.840.860	53.173.496.791
Lỗ từ hoạt động kinh doanh	30		(72.272.221.249)	(49.278.079.203)
Thu nhập khác	31	24	5.460.546.901	8.754.667.978
Chi phí khác	32	25	3.795.393.354	818.796.591
Lợi nhuận khác	40		1.665.153.547	7.935.871.387
Tổng lỗ kế toán trước thuế	50		(70.607.067.702)	(41.342.207.816)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(70.607.067.702)	(41.342.207.816)

Nguyễn Văn Hợp
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Đào Ngọc Bình
Phụ trách Kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		42.965.144.436	493.989.719.374
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(30.977.079.249)	(296.805.069.596)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(1.116.916.197)	(1.874.250.174)
Tiền chi trả lãi vay	4		(220.709.354)	(13.320.049.003)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		-	(427.062.522)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		4.851.030.555	7.385.980.876
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(3.556.374.190)	(21.639.373.949)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.945.096.001	167.309.895.006
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(19.688.456.671)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.015.816.800	6.400.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20.800.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		401.030.362	1.475.483.792
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.396.047.162	(11.812.972.879)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	236.285.154.293
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.713.035.741)	(406.773.837.970)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.000.000)	(1.835.681.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.743.035.741)	(172.324.364.677)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		6.598.107.422	(16.827.442.550)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	115.592.100	16.943.034.650
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	6.713.699.522	115.592.100

Nguyễn Văn Hợp
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Đào Ngọc Bình
Phụ trách Kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1302/QĐ - UB ngày 18/03/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Thanh Hà, hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103007196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/03/2005. Theo Quyết định số 4380/QĐ - UB ngày 23/06/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà.

Sau khi được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 5,7 tỷ đồng, chia thành 57.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng, trong đó, phần vốn Nhà nước chiếm 30%.

Trong năm 2007, Công ty đăng ký với Ủy ban chứng khoán về việc trở thành công ty đại chúng và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 15/05/2007, với số vốn điều lệ là 12.700.000.000 đồng, chia thành 1.270.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó:

- Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội - HAPROSIMEX (là đại diện sở hữu vốn Nhà nước) nắm giữ 342.000 cổ phần, chiếm 26,93% vốn điều lệ của Công ty;
- Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc nắm giữ 232.260 cổ phần, chiếm 18,28% vốn điều lệ của Công ty;
- Các cổ đông khác nắm giữ 695.740 cổ phần, chiếm 54,78% vốn điều lệ của Công ty;

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Trong kỳ kế toán, các hoạt động sản xuất kinh doanh chính bao gồm:

- Sản xuất, chế biến và buôn bán các mặt hàng như: may mặc, dệt may, hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông, lâm, hải sản, dược liệu, khoáng sản phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu và tiêu dùng trong nước;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá;
- Đại diện thương mại;
- Kinh doanh giao nhận, vận chuyển hàng hoá; và
- Kinh doanh nhà hàng, cho thuê nhà xưởng, kho bãi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Dưới đây là các chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty áp dụng để lập Báo cáo tài chính này:

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2010.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư khác.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã được tự do mua bán trên thị trường được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Công ty sử dụng giá tham khảo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại thời điểm kết thúc năm tài chính để làm cơ sở trích lập dự phòng.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng bán của hầu hết các mặt hàng kinh doanh như: chè, quế, hạt tiêu và các mặt hàng khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, riêng giá vốn của mặt hàng cà phê được xác định theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đến đất sử dụng bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng và san lấp mặt bằng. Giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao trong 20 năm.

Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu “Thanh Hà” và “Haforexim” được xác định trong quá trình đánh giá lại giá trị doanh nghiệp để chuyển từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần đã được các cơ quan chức năng phê duyệt. Giá trị thương hiệu được khấu hao trong thời gian 10 năm.

3.9 GHI NHẬN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Trên Báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc. Việc ghi nhận giá trị của khoản đầu tư vào công ty con mới thành lập được thực hiện theo tiến độ góp vốn thực tế tương ứng với việc xác nhận vốn góp từ công ty con nhận khoản đầu tư.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm.

- Đối với các khoản chi phí trả trước dài hạn, thời hạn phân bổ chi phí phù hợp với thời gian tham gia thực tế vào quá trình kinh doanh và tạo ra doanh thu.
- Đối với giá trị công cụ, dụng cụ phân bổ dần, thời gian phân bổ chi phí là 2 năm.

3.11 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng, chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Riêng với mặt hàng cà phê nhân xuất khẩu ra thị trường thế giới, theo tập quán thương mại quốc tế và theo phương thức thỏa thuận trong hợp đồng ký với khách hàng, giá mua bán là giá giao dịch của mặt hàng này khớp lệnh trên sàn giao dịch cà phê Luân-đôn tại một thời điểm xác định. Doanh thu được ghi nhận như sau:

- Khi xuất hàng bán, Công ty tạm ghi nhận doanh thu và giá vốn để xác định kết quả kinh doanh là bằng nhau và bằng 50% - 70% giá vốn của lô hàng.
- Khi giao dịch khớp lệnh, Công ty ghi nhận tiếp doanh thu còn lại trên cơ sở Doanh thu thực tế theo giá khớp lệnh trừ đi (-) số đã tạm ghi nhận trước đây, đồng thời ghi nhận nốt phần còn lại giá vốn của lô hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”) hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng (Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam) tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc kỳ kế toán không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Thông tư 201 có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực này tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Nếu áp dụng Chuẩn mực này, chi phí tài chính sẽ tăng lên là 1.348.572.452 đồng.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty hiện hành là 25%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi chuyển thành công ty cổ phần và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo, thời điểm bắt đầu áp dụng miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp là năm 2005.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các qui định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	46.137.254	2.709.909
Tiền gửi ngân hàng	1.251.135.695	112.882.191
Các khoản tương đương tiền	5.416.426.573	-
	6.713.699.522	115.592.100

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	453.000.000	432.200.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(267.082.600)	(255.424.150)
	185.917.400	176.775.850

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu khách hàng nước ngoài	220.142.040	1.481.386.060
Phải thu khách hàng nội địa	8.057.123.785	13.679.320.318
	8.277.265.825	15.160.706.378
Dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng nước ngoài	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng nội địa	(4.645.123.844)	(3.535.609.296)
+ Công ty Thiết bị phụ tùng TMT	(306.822.926)	(336.822.926)
+ Công ty TNHH Tân Phú	(4.338.300.918)	(3.198.786.370)
	(4.645.123.844)	(3.535.609.296)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trả trước cho nhà cung cấp nước ngoài (*)	15.048.543.824	15.048.543.824
Trả trước cho nhà cung cấp nội địa (**)	96.227.373.755	98.607.069.638
	111.275.917.579	113.655.613.462
Dự phòng phải thu khó đòi của nhà cung cấp nước ngoài (*)	(4.514.563.147)	-
Dự phòng phải thu khó đòi của nhà cung cấp nội địa (**)	(94.317.736.324)	(45.649.560.441)
1. Công ty Cổ Phần Xanh Cà Phê	(8.722.093.820)	(4.261.600.146)
2. Công ty Cổ phần XNK Công Chính	(80.857.705.426)	(37.353.780.713)
3. Công ty TNHH DV Hàng Hải & TM Hoàng Minh	(2.463.021.947)	(2.644.301.391)
4. Cơ Sở Mua Bán Nông Sản Anh Minh	(1.387.583.960)	(1.123.678.840)
5. Doanh nghiệp Tư nhân Phát Đạt	(887.331.171)	(266.199.351)
	(98.832.299.471)	(45.649.560.441)

(*): Đây là số dư khoản ứng trước tiền hàng cho Công ty SHP Steriltecjnik AG (Gustav-Ricker-Phố 62, D-39120 Magdeburg/Đức) theo 02 hợp đồng: Hợp đồng bán hàng số SHP – THANHHA/01/08 ngày 10/04/2008 và Hợp đồng bán hàng số SHP – THANHHA/02/08 ngày 10/04/2008 về việc cung cấp các thiết bị y tế và dịch vụ đi kèm. Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà đã thực hiện ứng trước tiền hàng cho Công ty SHP Steriltecjnik AG theo các điều khoản thanh toán của Hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình đàm phán thực hiện hợp đồng, hai bên vẫn chưa kết thúc việc giao hàng; đến 31/12/2010, LC mở để thực hiện hợp đồng này đã hết hạn và việc thực hiện hợp đồng đã dừng lại. Công ty đang liên hệ với nhà cung cấp nước ngoài và các cơ quan ban ngành có liên quan nhằm thu hồi lại khoản ứng trước này. Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này việc thu hồi công nợ vẫn chưa thực hiện được. Tại ngày 31/12/2011, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản công nợ này theo thời hạn quá hạn của L/C với tỷ lệ trích lập là 30% giá trị khoản công nợ.

(**):

1. **Công ty Cổ phần Xanh Cà Phê:** Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào Quyết định của Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai số 118/2011/QĐ-TLTS ngày 15/09/2011, về việc mở thủ tục thanh lý với Công ty CP Xanh Cà Phê (căn cứ vào Quyết định mở thủ tục phá sản số 33A/2011/QĐ-MTTTPS ngày 13/05/2011). Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2011, chưa có quyết định chính thức về việc số tiền thực tế Công ty CP Sản xuất – XNK Thanh Hà sẽ được thanh toán là bao nhiêu và do đó khả năng thu hồi công nợ cũng chưa được xác định chắc chắn về mặt giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP)

- 2. Công ty Cổ phần XNK Công Chính:** Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào “Biên bản hòa giải thành lập ngày 14/10/2011 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM thụ lý số: 03/2011/TLST-KDTM ngày 03/10/2011”, Tòa án Nhân dân Thành phố Lâm Đồng đã ra “Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các Đương sự số 63/2011/QĐST-KDTM ngày 24/10/2011” với thỏa thuận như sau: Công ty CP Xuất nhập khẩu Công Chính có trách nhiệm trả cho Công ty CP Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà tổng số tiền là: 100.997.137.703 đồng (bao gồm: tiền mua hàng là 80.857.705.426 đồng, tiền lãi là 12.053.661.735 đồng, tiền phạt là 8.085.770.542 đồng). Đến thời điểm Công ty lập Báo cáo tài chính này, vẫn chưa có quyết định của Tòa án về việc mở thủ tục thanh lý và thanh toán khoản công nợ của Công ty CP XNK Công Chính cho các chủ nợ.
- 3. Công ty TNHH DV Hàng Hải & TM Hoàng Minh:** Công ty đã thực hiện khởi kiện Công ty TNHH DV Hàng Hải & TM Hoàng Minh lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đã nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, Giấy mời của Tòa án Nhân dân Quận 1 - TP Hồ Chí Minh ngày 23/11/2011 về vụ án KDTM với Công ty Hoàng Minh. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, vẫn chưa có kết quả cuối cùng của Tòa án về việc giải quyết vụ án này.
- 4. Cơ sở Mua bán Nông sản Anh Minh:** Công nợ này đã tồn tại hơn một năm và đến nay Công ty cũng chưa có các biện pháp để thu hồi công nợ.
- 5. Doanh nghiệp Tư nhân Phát Đạt:** Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào Biên bản hòa giải thành lập ngày 01/08/2011 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 18/2011/TLST-KDTM ngày 15/06/2011; Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án Nhân dân huyện Xuân Lộc – Tỉnh Đồng Nai ngày 09/08/2011. Theo Quyết định này, Ông Lê Thao – chủ Doanh nghiệp Tư nhân Phát Đạt và bà Trương Thị Hương liên đới thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà số tiền **1.064.131.907 đồng**; đồng thời kể từ ngày bản án có hiệu lực chịu lãi chậm trả hàng tháng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ứng trước tiền theo thỏa thuận với Công ty mua bán nợ (*)	3.000.000.000	-
Phải thu khác	47.710.291	12.857.625
	3.047.710.291	12.857.625

(*): Đây là khoản ứng trước cho Công ty Mua bán nợ - Bộ Tài chính (DATC) theo Biên bản làm việc về thỏa thuận các nội dung chính của phương án xử lý nợ, tái cơ cấu tài chính cho Công ty CP Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà giữa các bên ngày 10/12/2011 và Biên bản thỏa thuận về mua nợ tồn đọng của ViettinBank Ba Đình tại Công ty CP Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà ngày 14/12/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Hàng hoá tồn kho	681.207.250	1.318.887.250
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	681.207.250	1.318.887.250

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2011	24.269.912.639	1.191.163.367	2.608.297.130	284.164.726	1.885.195.173	30.238.733.035
- Thanh lý, nhượng bán	(3.094.167.190)	-	-	-	-	(3.094.167.190)
31/12/2011	<u>21.175.745.449</u>	<u>1.191.163.367</u>	<u>2.608.297.130</u>	<u>284.164.726</u>	<u>1.885.195.173</u>	<u>27.144.565.845</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2011	(3.713.523.445)	(844.973.571)	(1.064.649.635)	(254.609.197)	(747.752.003)	(6.625.507.852)
- Khấu hao trong kỳ	(1.318.085.958)	(98.224.293)	(248.924.377)	(19.833.634)	(127.624.224)	(1.812.692.486)
31/12/2011	<u>(5.031.609.403)</u>	<u>(943.197.864)</u>	<u>(1.313.574.012)</u>	<u>(274.442.831)</u>	<u>(875.376.227)</u>	<u>(8.438.200.338)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2011	<u>20.556.389.194</u>	<u>346.189.796</u>	<u>1.543.647.495</u>	<u>29.555.529</u>	<u>1.137.443.170</u>	<u>23.613.225.183</u>
31/12/2011	<u>16.144.136.046</u>	<u>247.965.503</u>	<u>1.294.723.118</u>	<u>9.721.895</u>	<u>1.009.818.946</u>	<u>18.706.365.507</u>

Trong số Nhà cửa vật kiến trúc, tổng nguyên giá TSCĐ hữu hình đang thế chấp tại ngân hàng là: 12.071.851.300 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương; giá trị còn lại tương ứng của các tài sản này là 11.074.737.761 đồng.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.586.973.684 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2011	10.178.394.192	297.058.533	10.475.452.725
- Mua trong kỳ	-	-	-
31/12/2011	10.178.394.192	297.058.533	10.475.452.725
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2011	(1.133.540.973)	(141.102.802)	(1.274.643.775)
- Khấu hao trong kỳ	(508.919.711)	(29.705.853)	(538.625.564)
31/12/2011	(1.642.460.684)	(170.808.655)	(1.813.269.339)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2011	9.044.853.219	155.955.731	9.200.808.950
31/12/2011	8.535.933.508	126.249.878	8.662.183.386

(*) Số dư Tài sản cố định vô hình cuối kỳ bao gồm giá trị quyền sử dụng đất Kho Gia Kiệm. Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là khoảng 6.630.331.763 đồng (và nguyên giá tương ứng là 7.266.117.000 đồng) để đảm bảo cho khoản tiền vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương.

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Số dư khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31/12/2011 là 2.907.000.000VND là giá trị vốn góp đầu tư bằng nhà xưởng và máy móc thiết bị sản xuất vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thanh Hà, nắm giữ 290.700 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ của công ty con.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011 <u>VND</u>	01/01/2011 <u>VND</u>
Vay ngắn hạn	103.696.738.475	111.163.953.856
Vay Ngân hàng và các tổ chức tín dụng	101.135.358.285	107.492.504.574
Vay các cá nhân	2.561.380.190	3.671.449.282
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
	103.696.738.475	111.163.953.856

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Khách hàng trong nước ứng tiền trước	10.186.696.514	10.349.728.333
	10.186.696.514	10.349.728.333

Trong số dư người mua trả tiền trước bao gồm: 8.239.233.111 đồng là số dư trả tiền trước của Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ Vật tư Khoa học Kỹ thuật và Công trình (nay là Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam) theo hai hợp đồng kinh tế: Hợp đồng kinh tế số 088 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 và Hợp đồng kinh tế số 089 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 về việc cung cấp 02 hệ thống xét nghiệm di động & 02 hệ thống khử khuẩn cho Bộ Y tế Việt Nam sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Đức thông qua Ngân hàng Tài thiết Đức (Kfw).

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, việc nhập hàng đã bị dừng lại (với nhà cung cấp SHP Steriltecjnik AG – chi tiết tại **Thuyết minh số 7**), do đó cũng chưa giao được hàng cho Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam.

Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam đã có công văn yêu cầu đơn phương chấm dứt hai hợp đồng nói trên với Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà. Tuy nhiên, nghĩa vụ trả nợ giữa Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà với Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam vẫn đang được cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra và chưa có phán quyết cuối cùng.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí giám định cà phê xuất khẩu	-	52.221.000
Chi phí lãi vay	28.811.696.024	11.692.619.123
Chi phí phải trả khác	292.701.338	391.913.038
	29.104.397.362	12.136.753.161

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	5.795.366	20.026.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	362.161.281	385.595.645
	367.956.647	405.621.645

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối /(Lỗ lũy kế)	Cộng (VND)
01/01/2010	12.700.000.000	3.500.000.000	(315.086.331)	5.922.703.086	543.037.856	214.398.320	4.560.423.688	27.125.476.619
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	1.283.397.461	910.970.922	227.742.731	(2.422.111.114)	-
- Chi từ các quỹ	-	-	-	-	-	(442.141.051)	-	(442.141.051)
- Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	(1.835.681.000)	(1.835.681.000)
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(41.342.207.816)	(41.342.207.816)
- Tăng/(Giảm) khác	-	-	(212.735.000)	-	-	-	(227.742.730)	(440.477.730)
31/12/2010	12.700.000.000	3.500.000.000	(527.821.331)	7.206.100.547	1.454.008.778	-	(41.267.318.973)	(16.935.030.979)
01/01/2011	12.700.000.000	3.500.000.000	(527.821.331)	7.206.100.547	1.454.008.778	-	(41.267.318.973)	(16.935.030.979)
- Chia cổ tức các năm trước	-	-	-	-	-	-	(30.000.000)	(30.000.000)
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(70.607.067.702)	(70.607.067.702)
- Giảm khác	-	-	(820.751.121)	-	-	-	-	(820.751.121)
31/12/2011	12.700.000.000	3.500.000.000	(1.348.572.452)	7.206.100.547	1.454.008.778	-	(111.904.386.675)	(88.392.849.802)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông lớn	574.260	45,22%	574.260	45,22%
Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (HAPROSIMEX) - do Ông Nguyễn Kim Hoàng làm đại diện	342.000	26,93%	342.000	26,93%
Ông Nguyễn Văn Hợp - Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	133.600	10,52%	133.600	10,52%
Bà Bùi Thị Thu Hà - Ủy viên HĐQT	41.260	3,25%	41.260	3,25%
Bà Nguyễn Thị Bình - Ủy viên HĐQT	37.400	2,94%	37.400	2,94%
Ông Trương Xuân Bình	20.000	1,57%	20.000	1,57%
Các cổ đông khác	695.740	54,78%	695.740	54,78%
Các cổ đông là nhân viên trong Công ty	430.700	33,91%	430.700	33,91%
Các cổ đông bên ngoài Công ty	265.040	20,87%	265.040	20,87%
Tổng cộng	1.270.000	100,00%	1.270.000	100,00%

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.797.376.676	343.219.906.052
	26.797.376.676	343.219.906.052

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	23.935.963.064	322.026.763.829
	23.935.963.064	322.026.763.829

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi ứng trước tiền hàng	1.187.577.370	10.323.100.376
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.575.000	470.360.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	307.779.609	554.718.680
Doanh thu hoạt động tài chính khác	80.000	259.084.644
	1.503.011.979	11.607.263.700

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay/Chi phí lãi vay	17.330.853.749	21.933.002.116
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	129.052.076	3.064.084.852
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	11.658.450	71.384.150
Chi phí tài chính khác	-	114.006.112
	17.471.564.275	25.182.477.230

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	184.544.890	1.873.903.686
Chi phí bán hàng thành phố Hồ Chí Minh	-	579.901.472
Chi phí nghiệp vụ kho Hưng Yên	525.165.445	397.704.193
Phí ngân hàng	51.783.137	191.149.307
Chi phí bằng tiền khác	233.748.233	679.852.447
	995.241.705	3.722.511.105

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.080.391.752	1.024.573.767
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.134.184.746	2.310.441.632
Thuế phí, lệ phí	3.000.000	-
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	54.292.253.578	49.185.169.737
Chi phí bằng tiền khác	660.010.784	653.311.655
	58.169.840.860	53.173.496.791

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.105.288.000	5.400.000.000
Công nợ xác định không phải trả nhà cung cấp	1.110.069.095	3.176.952.097
Các khoản thu nhập khác	1.245.189.806	177.715.881
	5.460.546.901	8.754.667.978

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
TSCĐ, CCDC thanh lý	3.094.167.190	798.880.952
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	65.634.000	-
Chi phí khác	635.592.164	19.915.639
	3.795.393.354	818.796.591

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

26.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Toàn bộ giao dịch và số dư công nợ của bên liên quan đều là với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thanh Hà.

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu với các bên liên quan	2.114.204.314	48.191.208.191
- Bán hàng hóa (đã bao gồm thuế GTGT)	-	45.707.413.530
- Cung cấp dịch vụ: Cho thuê tài sản (bao gồm thuế GTGT)	1.175.700.000	1.293.270.000
- Tiền cổ tức nhận được	-	465.120.000
- Lãi từ trả chậm tiền hàng	762.744.304	-
- Phí dịch vụ phải thu (tiền điện) (chưa bao gồm thuế GTGT)	175.760.010	149.016.065
- Chi phí lãi vay, lãi ứng trước tiền hàng	-	576.388.596
Mua hàng từ các bên liên quan	22.168.805.227	95.003.392.671
- Mua hàng hóa (đã bao gồm thuế GTGT)	22.168.805.227	95.003.392.671
Giao dịch về vốn với bên liên quan	-	3.000.000.000
Vốn cho vay	-	3.000.000.000
Lưu chuyển tiền với bên liên quan		
- Thu tiền bán hàng (bao gồm thuế GTGT)	2.534.843.300	58.317.752.790
- Trả tiền mua hàng hóa (bao gồm thuế GTGT)	24.022.361.789	91.674.288.918
- Thu tiền cho vay	-	3.000.000.000

Số dư với bên liên quan

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu	942.265.619	1.181.570.615
Phải thu tiền bán hàng	942.265.619	1.181.570.615
Phải thu tiền cho vay	-	-
Các khoản phải trả	-	1.421.466.773
Phải trả tiền mua hàng	-	1.421.466.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

26.2 TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tính đến ngày 31/12/2011, tổng công nợ ngắn hạn là 145.341.390.937 đồng, tổng tài sản ngắn hạn là 26.851.725.996 đồng; tổng công nợ dài hạn là 218.244.000 đồng, tổng tài sản dài hạn là 30.315.039.138 đồng; lỗ lũy kế tính đến ngày 31/12/2011 là 111.904.406.675 đồng, vốn chủ sở hữu và các quỹ là 23.511.536.873 đồng. Tuy nhiên, lỗ lũy kế xuất phát từ sự thận trọng của Ban giám đốc khi trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi với tổng số tiền lũy kế là 103.477.423.315 đồng, trích trước chi phí lãi vay phải trả ngân hàng với số tiền lũy kế là 28.811.696.024 đồng. Với tình hình tài chính như trên, nếu xét theo điều kiện bình thường thì Công ty khó có khả năng tiếp tục hoạt động, trừ khi có huy động thêm vốn từ các cổ đông hoặc chuyển đổi cơ cấu nợ cho các đối tác có liên quan một cách hợp lý.

26.3 SỰ KIẾN QUAN TRỌNG

Tháng 12 năm 2011, Công ty đã làm việc với Công ty Mua bán nợ - Bộ Tài chính (DATC) và Công ty Cổ phần tập đoàn Intimex về việc xử lý nợ, tái cơ cấu tài chính cho Công ty.

Theo Biên bản làm việc về thỏa thuận các nội dung chính của phương án xử lý nợ, tái cơ cấu tài chính cho Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà giữa các bên ngày 10/12/2011, DATC sẽ triển khai việc đàm phán và mua lại các khoản nợ của Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình và Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam (số dư gốc vay ngắn hạn của từng Ngân hàng lần lượt là 51.861.541.000 đồng và 21.146.267.892 đồng). Trên cơ sở kết quả đạt được về việc mua nợ tồn đọng của các Ngân hàng, DATC sẽ xem xét giảm trừ trách nhiệm trả nợ theo quy định hiện hành (dự kiến mức tối đa khoảng 50.000 triệu đồng) cho Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà, giúp Công ty lành mạnh hóa tình hình tài chính để phát triển sản xuất kinh doanh.

Theo Biên bản thỏa thuận về mua nợ tồn đọng của ViettinBank Ba Đình tại Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà ngày 14/12/2011, Công ty đã ứng trước cho DATC số tiền 3 tỷ đồng để thực hiện các điều khoản của Biên bản thỏa thuận nói trên. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành Báo cáo này, vẫn chưa có quyết định và thỏa thuận về kết quả cuối cùng của quá trình xử lý này.

26.4 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY. Một số số liệu đầu kỳ đã được phân loại lại cho phù hợp và nhằm mục đích so sánh.

Nguyễn Văn Hợp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Đào Ngọc Bình
Phụ trách Kế toán